

CHU THỊ THANH TÂM (Chủ biên)
TRẦN THÚY ANH

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

MÔN CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

*ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP
DẠY - HỌC
MÔN CƠ SỞ VĂN HOÁ
VIỆT NAM*

CHU THỊ THANH TÂM (Chủ biên) – TRẦN THÚY ANH

**ĐỔI MỚI
PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC
MÔN CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
BẢNG QUY ĐỊNH CHỮ VIẾT TẮT	7
LỜI GIỚI THIỆU	9
LỜI NÓI ĐẦU	13
MỞ ĐẦU	15

CHƯƠNG I: VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG TRONG DẠY-HỌC MÔN CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

I. Vai trò của Công nghệ thông tin trong giáo dục đại học	21
II. Khả năng ứng dụng Công nghệ thông tin vào giảng dạy môn Cơ sở Văn hoá Việt Nam	30

CHƯƠNG II: ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG

30: Nhập môn	48
31: Định nghĩa về Văn hoá	50
32: Đặc trưng và Chức năng của Văn hoá	52
33: Cấu trúc Văn hoá	54
34: Môi trường Văn hoá	56
35: Tiếp xúc và giao lưu Văn hoá	60
36: Di sản Văn hoá	62
37 & B8: Khái quát về lịch sử Văn hoá Việt Nam	64
39 & B10: Khái quát về không gian Văn hoá Việt Nam	66

B11: Văn hoá Ngôn ngữ	68
B12: Văn hoá Nhận thức	70
B13: Văn hoá Tổ chức cộng đồng	72
B14: Văn hoá Tín ngưỡng và Tôn giáo	74
B15: Văn hoá Phong tục	76
B16: Văn hoá Nghệ thuật	78
B17: Văn hoá Ẩm thực	80
B18: Văn hoá Thời trang	82
B19: Văn hoá Kiến trúc	84
B20: Văn hoá Giao thông vận tải	86
B21: Văn hoá Giao tiếp & Tổng kết	88

CHƯƠNG III: BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ

B1: Định nghĩa về Văn hoá	92
B2: Đặc trưng và Chức năng của Văn hoá	94
B3: Cấu trúc Văn hoá	98
B4: Môi trường Văn hoá	106
B5: Tiếp xúc và giao lưu Văn hoá	112
B6: Di sản Văn hoá	114
B7 & B8: Khái quát về lịch sử Văn hoá Việt Nam	116
B9 & B10: Khái quát về không gian Văn hoá Việt Nam	128
B11: Văn hoá Ngôn ngữ	134
B12: Văn hoá Nhận thức	138
B13: Văn hoá Tổ chức cộng đồng	150
B14: Văn hoá Tín ngưỡng và Tôn giáo	158
B15: Văn hoá Phong tục	172
B16: Văn hoá Nghệ thuật	182
B17: Văn hoá Ẩm thực	192
B18: Văn hoá Thời trang	194

B19: Văn hoá Kiến trúc	200
B20: Văn hoá Giao thông vận tải	202
B21: Văn hoá Giao tiếp & Tổng kết	204

CHƯƠNG IV: CÂU HỎI KIỂM TRA, THI HỌC PHẦN VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH, NGHIÊN CỨU	217
I. Câu hỏi Kiểm tra và Thi học phần	217
II. Bài tập thực hành và nghiên cứu	235
Kết luận	239
Tài liệu tham khảo	241
Phụ lục	245
Phụ lục 1: Những bài viết của tác giả sách	245
Phụ lục 2: Những bài viết của các tác giả khác	295

BẢNG QUY ĐỊNH CHỮ VIẾT TẮT

· GS	: Giáo sư
· PGS	: Phó giáo sư
· TS	: Tiến sỹ
· ThS	: Thạc sỹ
· VS	: Viện sỹ
· NXB	: Nhà xuất bản
· KHXH & NV	: Khoa học Xã hội và Nhân văn
· DHNN	: Đại học Ngoại ngữ
· ĐHQG HN	: Đại học Quốc gia Hà nội
· CNTT	: Công nghệ thông tin
· CSVHVN	: Cơ sở Văn hoá Việt Nam
· G.tr	: Giáo trình
· VH xhcn	: Văn hoá xã hội chủ nghĩa
· HCM	: Hồ Chí Minh
· cn	: Chức năng
· tr	: Trang
· B	: Bài

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 1998 tôi có dịp sang Malaysia tìm hiểu việc ứng dụng công nghệ thông tin vào cuộc sống. Các bạn đồng nghiệp Malaysia ở Công viên công nghệ cao kể lại: Cách đây 5 năm, Thủ tướng Mahathir đã phát biểu tại buổi ra mắt Trung tâm Công nghệ thông tin rằng: Thành tựu lớn nhất của nhân loại của thế kỉ XX là Internet. Người Malaysia phải được hưởng những thành tựu đó và Internet cũng cần thiết như điện, điện thoại, vô tuyến...ta dùng hàng ngày. Ngài Thủ tướng biếu 5 triệu đô la để thực hiện việc nghiên cứu chuyển giao công nghệ thông tin vào cuộc sống. Các bạn "khoe" với tôi, chỉ 5 năm sau rất nhiều gia đình đã sử dụng máy vi tính vì có 2 phần mềm được miễn phí. Đó là công việc nội trợ trong gia đình và chương trình giáo dục phổ thông. Phải nhanh chân hoà mình vào nhịp sống hiện đại. Đặng Dung ngày xưa đã viết:

Thời lai đồ diếu thành công dị

Vận khứ anh hùng ẩm hận đa!

Nhìn trên tổng thể và toàn cục, thế giới loài người đi vào thế kỉ XXI với một bước ngoặt vĩ đại của lịch sử. Sự chuyển hướng đó diễn ra dưới sự tác động sâu sắc, toàn diện của ba cặp các sự kiện quan trọng đồng thời:

- Hai sự chuyển hướng chiến lược toàn cầu: Từ đối đầu chạy đua vũ trang sang đối thoại cùng tồn tại hoà bình; từ châu Âu- Đại tây dương sang châu Á- Thái Bình Dương.

- Hai cuộc cách mạng đồng thời: Cuộc cách mạng khoa học công nghệ chuyển từ nền văn minh công nghiệp sang nền văn minh tin học hoá (hay hậu công nghiệp); cuộc cách mạng xã hội chuyển từ Chủ nghĩa tư bản sang Chủ nghĩa xã hội (hay hậu tư bản).

- Hai quá trình đồng thời: Khu vực hoá và toàn cầu hoá.

Ba cặp những sự kiện trên đã làm thay đổi đến tận gốc bộ mặt thế giới, ảnh hưởng đến từng quốc gia và chỉ có thể bằng công nghệ tin học mới giúp ta xác định được chiến lược phát triển. Đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức, đổi mới phương pháp theo hướng hiện đại hoá truyền thống để thích nghi với thời cuộc là

điều bắt buộc đối với mọi người nếu chúng ta không muốn “bị tụt hậu” và bị đẩy ra ngoài lề của sự phát triển.

Nền học vấn của thế kỉ XXI đòi hỏi chúng ta phải khắc phục những bất cập với ba yêu cầu mới: Tư duy phức hợp; kiến thức đồng bộ; phương pháp đa liên ngành.

Ở nước ta, giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ được xem là quốc sách hàng đầu. Hiện nay, chúng ta đang tiến hành cuộc cải cách giáo dục mang tính cách mạng để đào tạo những con người mới. Do đó hơn đâu hết giáo dục phải gắn kết với Khoa học Công nghệ và thực hiện hai chức năng: Kế thừa và sáng tạo văn hoá.

Tôi rất vui mừng được giới thiệu với các em sinh viên cuốn sách “Đổi mới phương pháp dạy - học môn Cơ sở Văn hoá Việt Nam”. Đây là công trình đầu tiên được ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy- học một bộ môn khoa học mới thuộc Văn hoá học.

Như chúng ta đều biết, trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khái niệm văn hoá khá mơ hồ và nhận thức rất khác nhau, có một thời văn hoá được phân thân thành đối tượng của nhiều ngành khoa học. Cho đến hôm nay, bộ môn Văn hoá học vẫn còn đang là vấn đề tranh cãi. Ở nước ta, sinh viên được cung cấp một số tri thức về Văn hoá Việt Nam nhưng chưa dựa trên cơ sở khoa học của bộ môn Văn hoá học- cũng giống như chúng ta học tiếng Việt và nói tiếng Việt rất giỏi nhưng ta không phải là nhà Việt ngữ học!

Vì vậy, các tác giả cuốn “Đổi mới phương pháp dạy - học môn Cơ sở Văn hoá Việt Nam” đã dựa vào 2 giáo trình chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo của GS. Trần Quốc Vương và PGS. Trần Ngọc Thêm để biên soạn thành một kiểu giáo trình dân dụng theo công nghệ Multimedia (đa phương tiện) trên máy tính. Đây là một việc làm hoàn toàn mới mẻ, áp dụng cho một bộ môn “hắc búa”, “răng hay thì thật là hay” nhưng học xong học trò cảm thấy mông lung, mơ màng, không rành mạch rõ ràng như bộ môn địa lý học, kinh tế học, vv...

Việc sử dụng công nghệ thông tin cho phép các soạn giả không những hiện đại hoá phương pháp dạy- học mà quan trọng hơn là giúp cho giảng viên khắc phục được những khó khăn trong việc giảng dạy Văn hoá Việt Nam với tư cách là một bộ môn của Văn hoá học:

Một là, bằng phương pháp Multimedia, các soạn giả có thể định lượng khối kiến thức cần và đủ cho sinh viên (vốn dễ bị “miên man”!) theo một hệ thống thao tác bước đầu của Văn hoá học (mà chúng ta đang xây dựng). Đó là hệ thống những khái niệm cơ bản như định nghĩa văn hoá, đặc trưng và chức năng, cấu trúc văn hoá, môi trường văn hoá, tiếp xúc và giao lưu văn hoá...Để trên cơ sở đó cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức về lịch sử văn hoá Việt Nam, không gian

văn hoá Việt Nam cùng với những thành tố văn hoá như ngôn ngữ, nhân thức, cộng đồng, tín ngưỡng tôn giáo, phong tục, nghệ thuật, ẩm thực, thời trang, kiến trúc, giao thông vận tải, giao tiếp.

Ngoài những kiến thức cơ bản được định lượng và mô hình hoá trình bày trong các Slides, sinh viên còn được hướng dẫn trả lời câu hỏi, phương pháp thực hành nghiên cứu và tham khảo sách báo bằng việc truy cập internet. Như vậy, chúng ta dần dần có thể thực hiện cách truyền thụ kiến thức theo phương pháp mới dành cho trình độ đại học: 30% kiến thức ở lớp, 70% kiến thức trên mạng.

Điều này đặc biệt quan trọng với bộ môn “Cơ sở Văn hoá Việt Nam” bởi lẽ, kiến thức của nó xem ra bao la không bờ bến, giảng viên và sinh viên dễ bị “sa đà”; nhưng quan trọng hơn là nó cho phép gợi mở những điều hiểu biết và cảm nhận sâu có trong mỗi con người, bởi vì con người sống trong môi trường văn hoá.

Thứ hai, công nghệ thông tin cho phép giới thiệu những biểu hiện văn hoá một cách trực quan sinh động (ngôn ngữ, âm nhạc, hội họa...), đưa sinh viên đi vào cuộc sống văn hoá một cách tự nhiên, thoải mái, đầy hấp dẫn- kho dữ liệu phong phú, đa dạng của văn hoá nhờ công nghệ thông tin tích hợp và lưu giữ trong các “xê-nh”. Sinh viên có thể sống trong môi trường cộng sinh văn hoá (nhiều nền văn hoá)- một đặc trưng của thời đại. Nhất là đối với Văn hoá Việt Nam, một nền văn hoá nằm ở ngã tư đường, có sự tiếp xúc lâu dài với các nền văn hoá trong khu vực, phương Đông và phương Tây. Phương pháp so sánh là bắt buộc để nhận diện Văn hoá Việt Nam.

Những nội dung trên đây đã được các soạn giả trình bày một cách khoa học, công phu, vừa mạch lạc vừa đẹp làm cho sinh viên nhận thức rõ được vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục đại học và khả năng ứng dụng của nó trong việc dạy và học bộ môn “Cơ sở Văn hoá Việt Nam”.

Đương nhiên “Vạn sự khởi đầu nan”, nhưng “đầu đi thì đuôi lọt” — Hơn thế nữa, đây là một thể nghiệm đầy nghịch lý: *Đưa một cái vô hạn của cảm nhận và thức nhận với muôn hình vạn trạng vào trong khuôn viên hữu hạn mang tính kỹ thuật*- dù đó là kỹ thuật tối tân nhất, buộc người thầy và sinh viên phải có một tinh thần sáng tạo, mạnh dạn đổi mới với một tâm hồn nhạy cảm, những khát vọng chấp cánh cho những ước mơ.

Hy vọng rằng, một vài năm sau, các soạn giả không còn quá lệ thuộc vào hai giáo rình của bậc thầy mình, những cây đại thụ, để vươn ra bằng cách mở rộng, đào sâu, sắp xếp lại những ý tưởng mới, tự mình thể hiện mình trên cơ sở kế thừa của cả thế hệ đi trước và các bạn đồng nghiệp cùng thời để xây dựng một giáo trình hiện đại. Trước mắt, trong quá trình dạy và học, tôi đề nghị bổ sung thêm một số vấn đề cơ bản để nhận diện Văn hoá Việt Nam: